

ẢNH HƯỞNG CỦA TAM TÒNG TỨ ĐỨC TRONG NHO GIÁO ĐỐI VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC TÀY, NÙNG

TS. Lương Thị Hạnh
Trường Đại học Khoa học Thái Nguyên

Tóm tắt: Nho giáo là một trong những học thuyết chính trị - đạo đức tiêu biểu của lịch sử Trung Hoa cổ đại, được du nhập vào Việt Nam từ thời Bắc thuộc. Trong suốt thời gian tồn tại và phát triển ở Việt Nam, Nho giáo đã có ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa, nếp sống, suy nghĩ của người Việt Nam và được thể hiện trên nhiều phương diện, trong đó ảnh hưởng trực tiếp đến người phụ nữ chính là tư tưởng “Tam tòng”, “Tứ đức”. Sự ảnh hưởng này mang tính tích cực và cả hạn chế. Mặt tích cực là giáo dục đạo đức, lối sống vị tha, giúp người phụ nữ hành động đúng với chức năng, vai trò và bổn phận của mình. Còn mặt tiêu cực là củng cố tư tưởng trọng nam khinh nữ, tính gia trưởng, độc đoán trong gia đình và ngoài xã hội của người đàn ông.

Từ khóa: Nho giáo, tam tòng tứ đức, phụ nữ, dân tộc Tày, dân tộc Nùng.

1. Vài nét khái quát về Nho giáo và tam tòng tứ đức

Nho giáo trước hết là một học thuyết đạo đức và chính trị do Khổng Tử sáng lập ở Trung Hoa cuối thời Xuân Thu - Chiến Quốc và được độc tôn thời Hán Vũ Đế. Mặc dù, có những bước thăng trầm cùng với lịch sử thay đổi của các triều đại phong kiến, song Nho giáo vẫn có sức sống bền bỉ, ảnh hưởng sâu đậm đến xã hội Trung Hoa và nhiều nước phương Đông, trong đó có Việt Nam (Doãn Thị Chín, 2012).

Nho giáo du nhập vào Việt Nam chủ yếu bằng con đường xâm lược của phong kiến phương Bắc thế kỷ thứ II sau Công nguyên, Lịch sử Việt Nam gọi là thời kỳ Bắc thuộc (Trần Nghĩa, 2006, tr. 83). Khi truyền bá vào Việt Nam, Nho giáo đã được sử dụng như một vũ khí nhằm đồng hóa người phương Nam của phong kiến phương Bắc.

Ban đầu người Việt chống đối quyết liệt sự truyền bá Nho giáo của giai cấp thống trị người Hán. Về sau người Việt đã dần tiếp nhận nhiều yếu tố tích cực của Nho giáo để xây dựng một quốc gia độc lập tự chủ hùng mạnh trải qua các triều đại phong kiến Lý, Trần, Lê, Nguyễn. Có thể nói, Nho giáo trở thành hệ tư tưởng thống trị trong kiến trúc thượng tầng của chế độ phong kiến, chi phối đời sống tinh thần của nhân dân ta qua nhiều thế kỷ (Doãn Thị Chín, 2012).

Là hệ tư tưởng của giai cấp thống trị, nên Nho giáo đặt ra một loạt những quy tắc lễ nghi nhằm ổn định xã hội có trật tự kỷ cương, các quy tắc đó là: “Tam cương”, “Ngũ thường”, “Tam tòng”, “Tứ đức” là những chuẩn mực cho mọi người trong xã hội thực hiện, trong đó *Tam tòng* buộc người phụ nữ phải theo ba điều, mà không được làm theo ý mình, đó là: “*Tại gia tòng phụ,*

Xuất giá tòng phu, Phu tử tòng tử” (Nguyễn Đăng Duy, 2001). Theo đó, trong cuộc đời của người phụ nữ Việt Nam nói chung, phụ nữ dân tộc Tày, Nùng nói riêng từ tuổi ấu thơ đến lúc trưởng thành khi còn ở với cha mẹ, phải thuận theo cha. Người cha quyết định mọi việc của con gái, từ công việc, cuộc sống cho đến hạnh phúc, còn người mẹ chỉ giữ vai trò thứ yếu vì chính bản thân người mẹ cũng phải phụ thuộc vào chồng.

Những quy định “tam tòng”, cùng với phong tục tập quán và sự giáo dục của gia đình đã đưa đến quan niệm: người phụ nữ khi xuất giá lấy chồng là trở thành người nhà chồng, dù sướng hay khổ vẫn phải chấp nhận. Từ đây phải tuyệt đối nghe theo chồng. Nếu người chồng nói dù đúng dù sai thì người vợ không có quyền tham gia bình luận hay phản kháng. Trường hợp chồng qua đời thì người vợ phải ở vậy với con suốt đời, không được tái giá, đi bước nữa “...*Tại gia tòng phu cho xong/ Tới khi xuất giá phải tòng phu quân/ Rủi, khi phụ tử thiết phần/ Đầu xanh, góa bụa, đường trần tòng con...*” (Nguyễn Thị Vân, 2014, tr. 31- 48).

Tứ đức là bốn loại tu dưỡng phẩm chất đạo đức cần thiết của một cô gái thời xưa, gồm: Công - Dung - Ngôn - Hạnh.

i) Công là nữ công, gia chánh phải khéo léo. Chủ yếu là may, vá, thêu, dệt, bếp núc. Với người phụ nữ giỏi thì có thêm cầm kỳ thi họa.

ii) Dung là vẻ đẹp hình thức, dáng người đàn bà phải khoan thai, gọn gàng, biết tôn trọng hình thức bản thân.

iii) Ngôn là lời ăn tiếng nói trong giao tiếp, ứng xử với mọi người phải khoan thai, dịu dàng, nói năng phải có ý tứ, tuyệt đối lễ phép, phục tòng chồng và cha mẹ chồng.

iv) Hạnh là hạnh kiểm, đức hạnh, là tính nết hiền thảo, trong nhà thì nết na, kính trên nhường dưới, chiều chồng thương con, ăn ở tốt với anh em họ nhà chồng. Ra ngoài thì nhu mì chín chắn, không hờn hĩnh, cay nghiệt, phải giữ gìn trinh tiết, phải chung thủy với một người chồng duy nhất, cho dù người chồng có xấu xa đến đâu chăng nữa.

Như vậy “*Tam tòng*”, “*Tứ đức*” chính là những chuẩn mực để xây dựng mẫu người phụ nữ phong kiến của Nho giáo, giữa chúng có mối quan hệ ràng buộc không thể tách rời giúp người phụ nữ hoàn thiện bản thân theo tiêu chuẩn của Nho giáo. Nội dung của *tứ đức* chính là những yêu cầu, quy tắc buộc phụ nữ dân tộc Tày, Nùng phải tuân theo, phải giam mình trong vòng cương tỏa của “*Tam tòng, tứ đức*” mà rèn luyện nhân cách, rèn luyện tính nhẫn nại, chịu đựng để làm một người con có hiếu, một người vợ biết phục tòng, một người mẹ biết chăm lo vun vén cho gia đình, con cái (Nguyễn Thị Vân, 2014, tr. 29).

2. Ảnh hưởng tích cực của tam tòng, tứ đức đối với người phụ nữ Tày, Nùng

Giá trị tích cực của tư tưởng *tam tòng* được thể hiện từ khi người con gái chưa đi lấy chồng “*Tại gia tòng phu*”, nghĩa là khi còn nhỏ, một bé gái phải nghe theo sự nuôi dạy, chỉ bảo của cha mẹ, cho dù những lời dạy bảo của cha mẹ có thể là không hợp với lối suy nghĩ, nhưng con cái không được phép cãi lại, có như thế mới được coi là người con ngoan. So với các bé trai, những bé gái dân tộc Tày, Nùng phải sớm tham gia lao động để đỡ đần cha mẹ và được gia đình giáo dục, dạy bảo cách trồng bông, dệt vải, nấu ăn và

các lễ nghi của cộng đồng làng/bản. Ở người Tày, Nùng, hầu hết các bé gái từ 7 đến 8 tuổi đã bắt đầu học thêu, khoảng 10 tuổi đã có mảnh nương trồng bông làm của riêng. Những gia đình khá giả, cha mẹ còn chuẩn bị cho mỗi con gái một khung cửi dệt. Đến khi đi lấy chồng, khung cửi sẽ được các cô gái mang về nhà chồng làm của hồi môn.

Hiện nay, phần lớn phụ nữ Tày, Nùng hiện đại cho rằng nam nữ bình quyền và pháp luật đã có quy định rõ ràng về quyền của cha mẹ, quyền của con cái nên việc nhất nhất phải phục tùng cha mẹ theo lễ giáo phong kiến xưa đã phần nào giảm bớt. Thậm chí, một số ít cô gái dân tộc Tày, Nùng ở thị trấn, thành phố không nghe theo lời dạy bảo của cha mẹ, chạy theo lối sống thực dụng, tự do thái quá, đánh mất đi những giá trị đạo đức tốt đẹp của người phụ nữ. Mặc dù vậy, trong xã hội hiện đại, đạo tòng cha mẹ nhìn dưới góc độ tích cực vẫn còn được bảo lưu.

Nho giáo đề cao tính gia trưởng, nên trong gia đình người đàn ông có vai trò tuyệt đối, mọi việc lớn nhỏ từ cưới xin, ma chay... tất cả người đàn ông là đại diện duy nhất cho gia đình, trừ lễ đầy tháng của trẻ sơ sinh (*lầu ma nhét*), vì quan niệm bà đẻ là bản, không may mắn nên đàn ông ít tham gia. Xuất phát từ quan niệm gia đình có yên ổn thì quốc gia mới hưng thịnh, và một trong những biện pháp để gia đình yên ổn chính là việc người phụ nữ phải nghe theo lời của người đàn ông. Như vậy, trong một chừng mực nào đó, sự cam chịu “tòng” theo đàn ông của phụ nữ phần nào đã tạo nên sự yên ổn, êm ấm trật tự trên dưới cho gia đình và xã hội.

Kế thừa tư tưởng này, ngay khi bước chân về nhà chồng người con gái dân tộc

Tày, Nùng đã phải thể hiện mình theo giá trị của tứ đức để phục vụ chồng và gia đình nhà chồng. Theo phong tục của dân tộc Tày, Nùng ngày tổ chức đám cưới ở nhà trai, đoàn đưa dâu gồm: một bà dẫn lớn tuổi (*pả mẹ ké*), một bà dẫn trẻ (*pả mẹ ón*) và một phụ dâu (*lùa tối*), những người này bắt buộc phải ngủ lại qua đêm trong phòng cô dâu tại nhà chú rể. Tại đây, cô dâu được *pả mẹ ké* căn dặn kỹ lưỡng về bốn phận dâu con trong nhà, dạy từ bước chân đi trên nhà sàn để không phát ra tiếng động lớn (vì giát nhà của đồng bào thường làm từ thân cây tre, cây vầu đập đập nên bước chân đi dễ gây ra tiếng động), đến cách ăn uống, cách ứng xử với bố mẹ, anh chị em nhà chồng và đặc biệt căn dặn cô dâu phải có trách nhiệm gánh vác, vun vén gia đình nhà chồng. Các buổi sáng, người con dâu phải thức dậy thật sớm để chuẩn bị đồ ăn, thức uống, say thóc, giã gạo,...

Theo phong tục, khoảng 4 giờ 30 phút sáng hôm sau, *pả mẹ ké* đánh thức cô dâu dậy. Việc đầu tiên là cô dâu xuống dưới gầm sàn nhà nhặt một ít củi lên để nhóm bếp, sau đó thấp đuốc, quảy thùng ra suối gánh nước về đun nước rửa mặt (trường hợp không có máng dẫn nước về nhà), đồng thời chuẩn bị đồ ăn để nấu bữa sáng cho cả nhà. Khi những người lớn tuổi như ông bà, bố mẹ, cô dì, chú, bác thức dậy, cô dâu phải tự tay bưng từng chậu nước ấm có để sẵn một chiếc khăn mặt mới đến mời từng người rửa mặt, xúc miệng. Sau khi rửa mặt xong, chiếc khăn mặt sẽ thuộc về những người đó. Cũng theo phong tục, những người được cô dâu mời rửa mặt đều đáp lễ cô dâu mới bằng lời chúc may mắn, hạnh phúc, cũng có người tặng bao lì xì đỏ. Thông qua việc tặng bao lì

xì đỏ, những người lớn tuổi mong muốn đôi trẻ sau này được sống hạnh phúc và cuộc sống gặp nhiều may mắn. Tuy nhiên, do tác động của kinh tế thị trường, tục lệ này hiện nay chỉ còn lác đác ở những vùng xa trung tâm thị trấn, thành phố.

Do nhận được sự dạy bảo kỹ lưỡng về đạo “*Tam tông*”, “*Tứ đức*” từ lúc nhỏ, nên dù thời gian về làm dâu đã khá lâu, họ đã có con cái, song những người phụ nữ dân tộc Tày, Nùng trong sinh hoạt hàng ngày vẫn rất ý tứ, từ cách ăn uống không để có tiếng động phát ra từ việc nhai, nuốt cơm canh; đi lại trên nhà sàn luôn bước chân nhẹ nhàng; ăn nói lễ phép với người lớn tuổi; với các em chồng luôn có thái độ ân cần;... Tuy cũng có lúc “*cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt*” trong các mối quan hệ mẹ chồng, em chồng, nhưng họ đều chọn giải pháp im lặng lắng nghe, hiếm khi thấy các cô dâu cãi lại mẹ chồng. Qua quan sát thực tế, chúng tôi nhận thấy ngay cả thời gian nghỉ ngơi của những người phụ nữ Tày, Nùng làm dâu cũng hiếm hoi, dù đã làm việc vất vả cả ngày. Buổi tối, nếu ông bà, bố mẹ chồng còn thức thì cô dâu cũng không dám vào buồng ngủ trước (sợ mang tiếng lười nhác). Mọi công việc của người con dâu thực hiện giống như một thời khóa biểu, từ năm này sang năm khác đến khi họ có con dâu, lên chức mẹ chồng mới tạm coi là được nghỉ ngơi. Đây chính là những nghĩa vụ “*tông phu*” vun vén cho cuộc sống gia đình chồng của người vợ trong gia đình Tày, Nùng truyền thống. Vất vả là vậy nhưng những người phụ nữ làm dâu không một lời oán thán, họ coi đó là niềm vui, niềm hạnh phúc chứ không phải là gánh nặng. Dù cuộc sống có khó khăn, vất vả đến đâu thì những giá trị của Công - Dung - Ngôn - Hạnh vẫn luôn được những

người phụ nữ này chú trọng, tự hoàn thiện bản thân, góp phần làm nên vẻ đẹp truyền thống cả hình thức gắn với vẻ đẹp tâm hồn.

Đạo “*Tam tông*” đã đưa ra sự phụ thuộc của người phụ nữ vào nam giới: ở nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con. Với tư tưởng “*phu tử tông tử*” khi chồng mất, người phụ nữ phải ở vậy suốt đời, không được đi bước nữa. Quan niệm này có phần hơi khắt khe, song cũng có những giá trị tích cực, buộc người phụ nữ sau khi chồng mất vẫn phải có trách nhiệm nuôi dạy con cái trưởng thành, đừng vì hạnh phúc bản thân mà không hoàn thành trách nhiệm, bỏ rơi con cái cho nhà chồng hoặc để con cái bơ vơ (Nguyễn Thị Vân, 2014, tr. 91).

Tóm lại, tư tưởng “*Tam tông, Tứ đức*” đã góp phần tích cực vào việc giáo dục người phụ nữ thành những người mẹ hiền, dâu thảo, người vợ đảm đang, hết lòng chăm lo vun vén cho chồng con và gia đình nhà chồng. Ngày nay dù thời đại đã đổi thay, song trong gia đình đại bộ phận phụ nữ Tày, Nùng vẫn luôn quan tâm chăm lo cho bố mẹ, chồng con mà ít có thời gian nghĩ cho riêng bản thân mình. Trong quan hệ vợ chồng, trước kia phụ nữ chỉ biết lắng nghe, ngày nay cùng với sự phát triển của xã hội, họ còn có tiếng nói chia sẻ với chồng những khó khăn vất vả trong công việc, trong cuộc sống. Đó là nền tảng cho một gia đình ổn định, nền nếp, êm ấm và hạnh phúc.

3. Ảnh hưởng tiêu cực của tam tông, tứ đức đối với người phụ nữ Tày - Nùng

Bên cạnh những giá trị tích cực của “*tam tông, tứ đức*”, tư tưởng này cũng có nhiều điểm hạn chế, như:

Trước hết, tư tưởng “*Tam tông*” khiến cho phụ nữ người Tày, Nùng từ lúc sinh ra cho đến khi qua đời, luôn phải lo lắng, hy sinh cho rất nhiều người. Trong gia đình, phần lớn người đàn ông đóng vai trò trụ cột và tất cả các thành viên khác đều phải nghe theo. Do vậy, khi chưa lấy chồng, người con gái phải tuyệt đối tuân theo sự sắp đặt của cha “*tại gia tông phụ*”, và ngay từ nhỏ các bé gái đã bị xem là con nhà người ta nên không được quan tâm như bé trai. Khi trưởng thành, việc hôn nhân của người con gái là do cha mẹ sắp đặt (tông - tuân theo), may mắn thì gặp được người chồng tử tế, giỏi giang; nếu lỡ lấy phải người chồng vũ phu hay nghèo khó, bệnh tật thì cũng gắng mà chịu đựng. Chính vì đề cao chữ tông của con gái đối với cha mẹ nên nhiều bậc phụ huynh đã áp đặt con dẫn đến những cuộc hôn nhân ngang trái trong xã hội.

Tư tưởng *Xuất giá tông phu*, nghĩa là lấy chồng phải nghe theo lời chồng. Ngay cả hiện nay ở phần lớn các gia đình, người chồng vẫn giữ vai trò quyết định chính, từ việc lựa chọn nghề nghiệp, lo hôn nhân cho con cái, đến việc nắm giữ tài sản và mọi chi tiêu lớn nhỏ trong gia đình đều do người chồng chi phối, sự tham gia của người vợ chỉ là thứ yếu. Nhưng khi con cái có sự phát triển lệch lạc thì không ít người đàn ông lại đổ lỗi cho vợ theo quan niệm: “con hư tại mẹ”. Cho nên vai trò “tay hòm chìa khóa” của người phụ nữ Tày, Nùng chỉ đúng phần nào, họ có thể được giữ tiền, nhưng muốn mua bán thứ gì, kể cả những vật dụng thiết yếu phục vụ gia đình vẫn phải có sự đồng ý của chồng.

Tư tưởng tam tông, tứ đức còn có ảnh hưởng tiêu cực là gây ra tâm lý trọng nam

khinh nữ, thể hiện rõ ở nhu cầu muốn sinh con trai, với quan niệm “*nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô*” (một con trai được coi là có, mười con gái thì cũng như không) chính là khởi điểm cho sự bất bình đẳng mà phụ nữ Tày, Nùng phải gánh chịu. Tư tưởng này là sự đề cao giá trị của người con trai và hạ thấp vị thế của người con gái (con gái là đồ bỏ đi). Nếu không sinh được con trai thì chồng, bố mẹ chồng, thậm chí cả dòng họ thường đổ lỗi cho người phụ nữ. Nhiều trường hợp người phụ nữ đành ngậm ngùi đi hỏi vợ lẽ cho chồng (Phan Thị Hồng Duyên, 2017). Như vậy, chính tư tưởng trọng nam khinh nữ đã tạo nên tính gia trưởng, độc đoán của người đàn ông; họ mặc nhiên cho rằng người phụ nữ là do mất tiền của mua về để lo liệu cúng dàng gia đình, thậm chí bị chồng đánh đập, hành hạ thân xác mà vẫn không một lời oán thán. Nhưng vượt lên trên hết, người phụ nữ Tày, Nùng vẫn vẹn toàn đức hạnh, phẩm giá, vẫn rất mực yêu thương chồng con, cho dù người chồng có tệ bạc với họ. Bởi vì lễ giáo Nho gia đã dạy dỗ người phụ nữ rằng, “*nhìn chồng không có gì là xấu*”, “*xấu chàng thì khổ ai*”, mọi hành động đi ngược lại quyền lực của người đàn ông bị coi là tội lỗi, sự phản kháng của người phụ nữ gần như là con số không, cho nên cam chịu và lặng lẽ của đa số những người phụ nữ đôi khi vẫn được hiểu sai là sự dục dằn.

Tập quán coi trọng con trai còn ảnh hưởng nặng nề trong rất nhiều gia đình hiện nay, chẳng hạn: của cải thừa kế (nhất là đất đai hương hỏa) chủ yếu dành cho con trai, đặc biệt là con trai trưởng vì họ được giao trách nhiệm thờ cúng tổ tiên. Con gái không được hưởng quyền lợi, hoặc được hưởng ít hơn vì quan niệm “*con gái là con người ta*”. Ngay cả khi gia đình không có con trai thì

cũng không bao giờ truyền bí quyết nghề truyền thống cho con gái, vì lo con gái sẽ mang bí quyết đó truyền sang cho nhà chồng.

Ngoài ra, phụ nữ dân tộc Tày, Nùng còn bị trói buộc với lễ giáo phong kiến như không được ăn cơm cùng mâm với chồng, bố chồng và anh chồng, không được đi qua gian thờ cúng của gia đình nhà chồng. Thậm chí, trên đường đi lên nương, phụ nữ phải đi cách xa đàn ông một quãng chứ không được đi gần nhau; sau buổi lao động, đến việc rửa chân tay trên cùng một con suối cũng có sự phân biệt: đàn ông bao giờ cũng ở phía trên dòng chảy, còn phụ nữ chỉ được phép ở phía dưới dòng chảy, vì họ quan niệm phụ nữ là bản, ô uế. Hiện nay, do thực hiện nếp sống mới, nam nữ bình đẳng nên các tục lệ trên hầu như đã dần bị xóa bỏ. Khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, vấn đề phụ nữ, giới và bình đẳng giới được Nhà nước và nhiều cấp ở địa phương quan tâm, vai trò của phụ nữ người dân tộc thiểu số Tày, Nùng có nhiều thay đổi. Không ít người phụ nữ thành đạt hơn chồng nhưng vẫn bị chồng ngược đãi, và có lẽ vì xấu hổ do tư tưởng “*vạch áo cho người xem lưng*” nên rất ít phụ nữ đứng lên bảo vệ cho quyền lợi của chính bản thân mình. Vì thế, nạn bạo lực gia đình ở người Tày, Nùng vẫn còn tiếp diễn (Nguyễn Thị Vân, 2014).

Sự phụ thuộc của phụ nữ vào nam giới (*tòng*) đó là quan niệm *phu tử tòng tử*, nghĩa là chồng chết thì theo con trai. Chồng chết người phụ nữ không được đi bước nữa mà phải ở vậy toàn tâm toàn ý nuôi con trưởng thành, mọi việc lớn nhỏ trong gia đình phải phụ thuộc vào con trai. Cho dù người mẹ trẻ còn khát vọng hạnh phúc đôi

lứa, còn đủ điều kiện để xây dựng một gia đình mới nhưng theo tư tưởng của *tam tòng* thì họ phải chịu đựng, hy sinh khát vọng cá nhân để đạt được chuẩn mực *tòng tử* theo lễ giáo phong kiến. Những người phụ nữ tái giá thường bị hàng xóm, dòng họ khinh ghét, coi thường vì không giữ đúng phép *tam tòng* trọn đời chỉ với một người chồng (Nguyễn Thị Vân, 2014, tr. 69).

Trong cuộc sống vợ chồng, người phụ nữ Tày, Nùng không được phép bỏ chồng dù người chồng có xấu xa, tệ bạc đến đâu. Ngược lại, người chồng không những được phép bỏ vợ mà họ còn được quyền lấy thêm vợ. Hiện nay, đối với người đàn ông ngoại tình thì dư luận xã hội vẫn dễ thông cảm hơn là với phụ nữ ngoại tình. Từ tư tưởng trọng nam khinh nữ chính là cơ sở đảm bảo quyền tối cao của người cha, người chồng, người con trai trưởng; hình thành tư duy, lối sống gia trưởng cho người đàn ông trong gia đình. Ngược lại, điều đó dẫn đến thái độ cam chịu, phụ thuộc của người phụ nữ, chấp nhận lép vế so với chồng, con trai.

Kết luận

Hiện nay, ảnh hưởng của tư tưởng *tam tòng, tứ đức* đối với người phụ nữ Việt Nam nói chung, phụ nữ dân tộc Tày, Nùng nói riêng vẫn còn dư âm trong xã hội, tinh thần của *tứ đức* vẫn có ý nghĩa nhất định trong việc giáo dục người phụ nữ thành người vợ đảm, người mẹ hiền, dâu thảo. Do đó, *tứ đức* luôn là một trong những thước đo giá trị đối với phụ nữ ở mọi thời đại, là khuôn mẫu để từ đó người phụ nữ rèn luyện bản thân vào khuôn phép, tự biết kiềm chế để xây dựng gia đình hòa thuận và hạnh phúc.

Ngày nay, công cuộc Đổi mới của đất nước đã đem lại sự thay đổi lớn về vai trò và địa vị của người phụ nữ dân tộc Tày, Nùng nói riêng và phụ nữ Việt Nam nói chung. Họ đã có quyền bình đẳng hơn, đã được xã hội tạo điều kiện để phát huy tài năng của mình, nội dung của *tứ đức* không bị bó hẹp trong phạm vi gia đình mà ngày càng mở rộng hơn trong lĩnh vực xã hội (bao hàm trong nước và quốc tế). Trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quan niệm về nội dung, tính chất công việc của người phụ nữ được nhìn nhận ở hai phương diện “đảm việc nhà, giỏi việc nước”: nghĩa là đảm đang công việc gia đình, tổ chức đời sống vật chất và tinh thần một cách hợp lý, nuôi dạy con cái khỏe, ngoan, học giỏi. Ngoài ra, bằng năng lực của mình, họ tham gia vào công việc xã hội để tạo thu nhập cho gia đình, nâng cao tri thức cá nhân, góp phần vào sự phát triển chung của xã hội. Như vậy, dù ở cương vị nào, phụ nữ vẫn luôn thực hiện tốt thiên chức của mình, đây chính là những giá trị tích cực của *tứ đức*. Cho nên *tứ đức* sẽ luôn là những lời dạy bảo có giá trị đối với mỗi người phụ nữ trong thời đại hội nhập và phát triển.

Tài liệu tham khảo

1. Doãn Thị Chín (2012), *Ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo đối với người phụ nữ ở nông thôn Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.
2. Phan Thị Hồng Duyên: *Một số ảnh hưởng tích cực của học thuyết “Tam tông”, “Tứ đức” trong Nho giáo đối với phụ nữ Việt Nam*, UVBTVCD- Trường Ban Nữ công trường Đại học Hoa Lư, trên trang <http://congdoanninhbinh.org.vn>, truy cập ngày 09 tháng 04 năm 2017.
3. Nguyễn Đăng Duy (2001), *Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
4. Trần Nghĩa (2006), “Thử bàn về thời điểm du nhập cùng tính chất, vai trò của Nho học Việt Nam thời Bắc thuộc”, trong sách: *Nho giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Vân (2014), *Thuyết tam tông tứ đức trong Nho giáo và ảnh hưởng của nó đối với người phụ nữ Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.